

SỰ ĐỐI PHÓ VỚI CƯỚP BIỂN TRUNG HOA CỦA TRIỀU NGUYỄN

Tiến sĩ Huỳnh Ngọc Đáng¹

Tiểu trừ cướp biển Trung Hoa là hoạt động được các vua triều Nguyễn quan tâm dốc sức nhưng ở các đời vua khác nhau, hoạt động này có những đặc điểm, tính chất và kết quả rất khác nhau.

Dưới thời vua Gia Long, cướp biển Trung Hoa không phải là đối tượng xa lạ với triều đình. Trong những ngày tháng bôn tẩu, quyết tâm khôi phục ngai vàng của dòng họ, Nguyễn Ánh đã luôn tìm cách liên hệ với mọi đối tượng khác nhau, bất kể từ đâu đến, tính chất hoạt động như thế nào để tăng cường sức mạnh cho lực lượng của mình. Ông ta đã giao kết với bọn cướp biển Trung Hoa trong vùng vịnh Thái Lan mà tiêu biểu là nhóm Hà Hỉ Văn, nguyên trước là thành viên tổ chức Bạch Liên giáo, sau tan rã về hoạt động cướp bóc ở vùng biển Mân Việt, bị nhà Thanh truy đuổi phải chạy xuống vùng biển Hà Tiên, Phú Quốc hoạt động. Sau khi quân Xiêm bị quân Tây Sơn đánh bại ở Rạch Gầm, Nguyễn Ánh phải chạy sang nương náu trên đất Xiêm nhưng thấy vua Xiêm ngày càng lạnh nhạt trong đối xử nên ông đã âm thầm đem binh thuyền và gia quyến kéo về Việt Nam. Đến đảo Cỏ Cốt trong vịnh Thái Lan, Nguyễn Ánh đã nhận được sự giúp đỡ nhiều mặt của bọn Hỉ Văn. Nguyễn Ánh đã phong cho Hỉ Văn chức Quản Tuần Hải Đô Dinh đại tướng quân. Các thuộc hạ khác của Hỉ Văn như Lương Văn Anh, Chu Viễn Quyền, Trương Bát Quan, cả thảy 10 tên đều được trao các chức Khâm sai, Tổng binh, Phó Kỵ úy²... Nhìn chung, đối với các nhóm cướp biển người Hoa, Nguyễn Ánh có hai cách ứng xử khác nhau: tấn công tiêu diệt những nhóm hợp tác với quân Tây Sơn³ và những nhóm có hại cho hoạt động phục quốc của ông nhưng sẵn sàng dung nạp những nhóm cướp biển muốn gia nhập lực lượng, tăng cường thế lực cho lực lượng phục quốc của mình. Hà Hỉ Văn là trường hợp thuộc cách đối xử thứ hai. Cách đối xử thứ nhất rơi vào trường hợp của bọn cướp biển Tề Ngôi và cướp biển Tàu Ô⁴.

¹ Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương. Email: huynhngocdang@gmail.com

² Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. NXB. KHXH. Hà Nội, 1974, tập 2, trang 65.

³ Có khá nhiều tài liệu nói về mối liên hệ giữa phong trào Tây Sơn, nhất là lực lượng của Quang Trung-Nguyễn Huệ với các nhóm cướp biển Trung Hoa. Tất cả hầu như đều kết luận là Nguyễn Huệ đã thu phục được hầu hết các nhóm cướp biển Trung Hoa trong vùng biển Đông và vùng biển ven bờ Quảng Đông, Phúc Kiến, đã tổ chức lại chúng và sử dụng lực lượng này trong cuộc tiến công quân Thanh làm nên chiến thắng lẫy lừng năm 1789, đánh tan mấy vạn quân Thanh... Đây còn đang là một đề tài bỏ ngỏ rất thú vị cho các nhà nghiên cứu.

⁴ Về tên gọi Tàu Ô, xin đọc lại bài viết *Hải tặc Trung Hoa thời vương triều Nguyễn* của TS. Huỳnh Ngọc Đáng đã đăng trong tập san Khoa học Lịch sử Bình Dương số 34. Nhân đây xin giới thiệu thêm một cách hiểu về tên gọi Tàu Ô được nhà nghiên cứu người Việt Nam ở hải ngoại Nguyễn Duy Chính giới thiệu trong bài viết *Vai trò của hải phi trong chiến thắng Kỷ Dậu*. Trong bài viết này, trong mục khảo cứu về các loại tàu thuyền của hải phi, có đoạn viết: “*Bạch tào thuyền, ô tào thuyền* (白艚船・烏艚船) là các thuyền lớn sơn trắng hoặc sơn đen.

Các ghi chép của bộ Thực Lục cho thấy Nguyễn Ánh đã thành công cả trong hai cách đối xử đó với bọn cướp biển. Lực lượng quân sự hùng mạnh của Nguyễn Ánh trên đường tấn công Tây Sơn đã thẳng tay tiêu diệt các nhóm cướp biển Tề Ngôi và Tàu Ô và những tù binh là cướp biển Trung Hoa này đã được triệt để sử dụng cho mục tiêu bắt cầu ngoại giao với Mãn Thanh. Thực Lục ghi chép: vào tháng 5 năm 1798, Nguyễn Văn Thành và Đặng Trần Thường dâng sớ đề cử Ngô Nhân Tĩnh và Phạm Thuận đem bọn giặc cướp biển bắt được nộp cho Thanh triều để mở đường ngoại giao. Gia Long đã đồng ý và tháng 6 năm đó, Ngô Nhân Tĩnh đã lên đường sang Quảng Đông thực hiện nhiệm vụ quan trọng đó.⁵

Công việc này lại được tiếp tục thực hiện vào tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), trước khi đại quân của Nguyễn Ánh tiến hành bắc phạt, đánh bại hoàn toàn quân Tây Sơn. Thực lục ghi:

“...Giao Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhân Tĩnh, Hoàng Ngọc Uẩn mang quốc thư, phẩm vật, ấn sách Tây Sơn (vừa bắt được) cùng bọn giặc biển Tề Ngôi là Mạc Quang Phù⁶, Lương Văn Canh, Phan Văn Tài đến Quảng Đông, được Tổng đốc Quảng Đông là Giác La Cát Khánh tiếp đón nồng hậu...”⁷

Sau khi đánh đổ được Tây Sơn và chính thức lên ngôi, Gia Long đã tận dụng sức mạnh quân sự của một đội quân vừa chiến thắng để trấn áp và tiêu diệt các nhóm hải tặc nhười Hoa còn lén lút hoạt động ở vùng biển Yên Quảng. Tháng 7 năm Nhâm Tuất, thừa thế thắng lợi, Gia Long sai quân tấn công nhóm cướp biển Tề Ngôi do Trương Á Lộc cầm đầu. Thực Lục cho rằng Trương Á Lộc trước có cộng tác với Tây Sơn, lúc này rút về quấy rối ở bờ biển Vạn Ninh. Quân Nguyễn chém được tướng giặc là Trịnh Thát⁸, bắt được Trương Á Lộc và cả bọn 11 người, đem giao nộp cho nhà Thanh.⁹

Những thuyền này đóng theo kiểu Phúc Kiến, đóng như kiểu tàu chiến, trông giống như một cái máng uống nước của ngựa nên gọi là “tào”. Thuyền có sơn hai con mắt ở đầu để cho cá kình trông thấy tưởng là đồng bọn mà không tấn công. Thuyền đen thường dùng để chở muối và thực phẩm trong khi thuyền trắng để đi đánh cá và chở hàng...” Như vậy nghĩa của từ **ô** ở đây cũng chỉ màu đen, còn âm **tào** biến thành âm **tàu** để chỉ tàu, thuyền...

⁵ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 2, trang 285.

⁶ Mộ Quang Phù quê huyện Tuế Thát (Suiqi) thuộc vùng Tây Quảng Đông. Gia nhập cướp biển từ năm 1787. Một năm sau, Mộ Quang Phù tham gia lực lượng Tây Sơn. Từ năm 1796, Mộ Quang Phù chỉ huy một hạm đội với hơn 1000 binh lính, được Tây Sơn phong tước Đông Hải Vương. Đọc thêm Robert J. Antony, *Like Froth Floating on the Sea-The World of Pirate and Seafarers in Late Imperial South China*. Institute of Asian studies University of California. Berkeley, Center for Chinese Studies, 2003, trang 39

⁷ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 3, trang 30

⁸ Tương tự như Mạc Quang Phù, Trịnh Thát cũng hợp tác với quân Tây Sơn và được phong chức Đại Tư Mã. Năm 1800, Trịnh Thát đã chỉ huy một hạm đội hơn 200 chiến thuyền. Người em trai của Trịnh Thát là Trịnh Nhất đã kế tục sự nghiệp của anh, tiếp tục chỉ huy hạm đội và liên kết được với các nhóm cướp biển khác tạo thành một liên minh hải tặc, hoạt động ngang dọc trên vùng biển Quảng Đông. Năm 1807, Trịnh Nhất chết

Công cuộc tiêu trừ cướp biển được đẩy mạnh trong các năm tiếp theo. Bọn hải tặc thường cứ thua chạy là kéo sang tránh ở vùng biển của Trung Quốc. Tháng giêng năm Ất Sửu, 1805, quan lại Bắc Thành có sớ tâu rằng giặc biển Tề Ngôi là bọn Trinh Năng Phát, Hoàng Long, Sĩ Tiến...nhiều lần bị quan quân truy đuổi đều trốn vào động La Phù ở Long Môn (Trung Quốc), đã nhiều lần ta có công văn gửi cho Long Môn nhưng quan ở đấy cứ che chở, xin triều đình có công văn cho Tổng đốc Lương Quảng để cùng dẹp bắt. Gia Long không đồng ý mà chỉ dụ cho trấn thần Yên Quảng đặt thêm đồn bảo, tăng cường việc phòng bị, tuần tra cho dân yên ổn.¹⁰

Đến năm Mậu Thìn, 1808, vào tháng 5, tướng triều Nguyễn là Tống Phước Lương lại đem quân tấn công bọn cướp biển người Hoa trong vùng biển Yên Quảng. Quân triều đình đã đánh bại giặc ở cửa Liêu, bắt được bọn đầu lĩnh của giặc. Đồ đảng giặc là bọn Lương Kim Ngọc, Trần Thế Dịch đem hai chiến thuyền và hơn 70 thủy thủ vào đầu thú ở NGHỆ AN. Trấn thần tâu lên, vua tha tội và cho xếp đặt ăn ở tại phố Thanh Hà.

Từ đó tình hình hoạt động của bọn cướp biển Trung Hoa gần như yên hẳn.

Nhìn chung, với sức mạnh quân sự vượt trội và thế thừa thắng, quân đội triều Nguyễn thời Gia Long đã tiến hành thắng lợi việc tiêu trừ cướp biển Trung Hoa, lúc này đang co cụm hoạt động trong vùng biển Yên Quảng. Công việc tiêu trừ cướp biển thời Gia Long chỉ đơn thuần là việc tiến hành các chiến dịch quân sự, lực lượng chủ yếu là quan quân chính quy của triều đình, chưa có sự tham dự của các lực lượng nào khác, các biện pháp về chính trị ngoại giao, kinh tế chưa được tính đến.

Dưới thời Minh Mệnh, trong suốt 10 năm đầu, hoạt động của bọn hải tặc không có gì đáng kể. Điều này đã giúp cho Minh Mệnh rảnh tay trấn áp các cuộc nổi dậy chống lại triều đình thuộc các xu hướng chính trị khác nhau trong khắp cả nước. Bắt đầu từ năm Minh Mệnh thứ 11, tức là năm 1830, bọn hải tặc Trung Hoa rục rịch hoạt động trở lại trên vùng biển Quảng Bình, Thanh Nghệ và cả vùng biển Bình Thuận, Biên Hòa. Chúng đón cướp thuyền buôn, lúc ẩn lúc hiện, gây nhiều khó khăn cho việc đánh dẹp của quan quân triều đình. Minh Mạng đã truyền chỉ cho Bộ Binh: “...*Gần đây giặc biển quấy rối, phần nhiều là từ cuối xuân đến đầu thu, quảng ấy chúng dựa vào các đảo ngoài biển làm sào huyệt. Nên truyền chỉ cho các địa phương ven biển từ Quảng Bình trở ra Bắc, từ nay*

quyền lực và sự nghiệp được kế tục bởi Trịnh Nhật Tầu là vợ của Trịnh Nhật, người vốn trước đây là một gái điếm trước khi bà ta kết hôn với Trịnh Nhật vào năm 1801. Đọc thêm Robert J. Antony, *Like Froth Floating on the Sea-The World of Pirate and Seafarers in Late Imperial South China*, tài liệu đã dẫn, các trang 43,44, 48.

⁹ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 3, trang 50

¹⁰ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 3, trang 223

về sau, hàng năm cứ bắt đầu từ tháng 3 đến tháng 7 thì phải 2 lần phái binh thuyền đến các hòn đảo mà thuyền giặc có thể đỗ được để tìm xét. Nếu thấy thuyền người Thanh dị dạng ẩn nấu, tình trạng khả nghi thì bắt giải cho quan địa phương tra xét...”¹¹

Tuy nhiên, mọi cố gắng của quan quân đã không đẩy lùi được sự gia tăng hoạt động của bọn hải tặc. Cuối năm 1832, nổi lên là hoạt động của bọn Nguyễn Bảo ở Quảng Yên, tụ họp hơn 10 chiếc thuyền buôn người Thanh lên vào vùng Lát, thôn Chân Chân, huyện Hoa Phong tấn công huyện đường, giết chết quan quân, trong đó có tri huyện Bùi Doãn Tạ. Bọn giặc càng làm càn, tung hoành cướp bóc trên vùng biển Vân Đồn. Quan quân triều đình sau đã cố công đánh dẹp, chém được đầu đảng người Thanh là Ngô Á Tam, bắt sống đồng đảng Phan Á Bát, Nguyễn Bảo nhảy lên bờ chạy trốn.

Tháng 3 năm 1834, thuyền giặc biển lại cướp bóc các thuyền buôn ở vùng biển Đại Chiêm, rồi lên bờ đốt phá nhà dân. Quan quân truy đuổi, chúng chạy về mé ngoài Thái Cầm thuộc Quảng Ngải cướp bóc rồi bỏ đi. Năm sau thuyền cướp biển lại chặn đường cướp bóc thuyền buôn ngoài khơi cửa Thuận An, bị Trần Công Đào, đội trưởng Thủy vệ Bình Định đi hộ tống của công, gặp giặc ấy, đuổi theo tấn công, bọn giặc bỏ chạy. Tháng 2 năm 1836, hải tặc Trung Hoa tấn công cướp bóc thuyền buôn ở tân phần Đại Áp và Tiểu Áp, đồng thời tăng cường quấy nhiễu vùng biển Vân Đồn. Từ tháng 3 năm 1838, cướp biển hoành hành dữ dội khắp các vùng biển miền Trung: ở cửa Hải Vân chúng đánh cướp hóa vật ở bến đò Thanh Khê; ở hải phận Quảng Nam, vùng biển cửa Y Bích, cửa Trào ở Thanh Hóa, cửa Cù Huân ở Khánh Hòa, cửa Vị Nê ở Bình Thuận...đều có thuyền hải tặc Trung Hoa chặn đường cướp bóc. Đặc biệt, vào tháng 4 (nhuận) năm 1838, trên vùng biển Khánh Hòa, xuất hiện chiếc thuyền lớn của bọn hải tặc người Thanh có hình dáng lạ (hai bên sơn đen, mũi trước và hai má sắc đỏ, lái phía sau và hai bên ván giữa vẽ hình đầu rồng, hai lỗ để bắn đều đặt súng lớn), gặp thuyền của quan quân triều đình đã dám nổ súng tấn công trước rồi lẫn trốn vào bóng đêm. Vua Minh Mệnh nghe báo đã lấy làm ngạc nhiên nói: “...Vùng biển xa rộng, quân giặc người Thanh thường thường nhân sơ hở cướp bóc, nhưng từ trước tới nay trông thấy chẳng qua là thuyền nhỏ mà thôi, nay lại có thuyền to, dáng lạ, dám chống nhau với thuyền nhà nước, thật đáng quái lạ...”¹²

Trước diễn biến tình hình ngày càng gia tăng phức tạp, tháng 2 năm 1836, vua Minh Mạng ra lệnh tăng cường tuần tiễu, tra xét các vùng biển đảo: “Hàng

¹¹ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 10, trang 78.

¹² Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 19, trang 136

năm, thượng tuần tháng 2, ở kinh phải đi tuần biển; các tỉnh ngoài, các địa phương ven biển, cũng cứ thượng tuần tháng ấy phải binh thuyền ở tỉnh và các tấn, sở đi tuần tiểu, đến tháng 7, tháng 8 mùa nước lên thì rút về. Duy các tỉnh từ Gia Định đến Hà Tiên, cứ tháng giêng phải đi, tháng 10 rút về... ”¹³

Sau đó đến tháng 5 năm 1838, vua lại ra lện định lại phép tuần biển với các nội dung chính là:

- Giao cho Bộ Binh “châm thước bàn định các tỉnh có phận biển nối liền nhau, việc tuần tiểu nên thế nào, định rõ chương trình, cốt được mười phần chu đáo”. Giao cho Bộ Công xem xét định kiểu đóng thuyền đi tuần, làm sao cho “không phải như hiệu thuyền quá to, cũng không nên bé như thuyền Ô lê”. Việc này sau theo lời tâu của Bộ Công, ở kinh đô cho đóng thuyền bọc đồng dài 4 trượng, 4 thước, 1 tấc, ngang 1 trượng 4 tấc¹⁴, trên làm một cái sàn đánh nhau giả; thuyền tuần của các tỉnh cho đóng theo kiểu thuyền đại dịch¹⁵, mỗi tỉnh 2 chiếc, tỉnh nào có hải phận lớn thì 3, 4 chiếc. Tất cả được gọi là thuyền tuần dương.

- Theo lời tâu của Bộ Binh cho rằng hải phận của Nam Kỳ từ trước không có giặc người Thanh đậu ngoài biển, nên vẫn theo như trước làm việc; Còn từ Bình Thuận trở ra Bắc đến Quảng Yên, các cửa biển ven biển có người canh giữ thì đều theo hải phận của tỉnh mà tuần phòng. Những tỉnh hải phận có cửa biển tiếp giáp nhau và hải phận liền nhau thì địa phương phải chia nhau dựng cột làm mốc giới. Thuyền đi tuần của tỉnh và của cửa biển phải tuần phòng hết trách nhiệm theo mốc giới.

- Định lệ thuyền đi tuần của trung ương: chia 2 đoàn Nam, Bắc, mỗi đoàn 4, 5 chiếc, chia đi làm 2 đợt, cách 3 hay 5 ngày làm một đợt, đi suốt lượt hải phận các địa phương, kiêm luôn nhiệm vụ kiểm tra việc tuần phòng của các địa phương.¹⁶

Đến tháng 12 năm đó, Điều lệ tuần biển được bổ sung thêm những điều khoản về xử phạt những đội thuyền và quan lại, quân binh không làm tốt nhiệm vụ tuần biển.

Lúc này ở vùng biển Quảng Yên, hải tặc người Thanh càng gia tăng hoạt động cướp bóc. Đầu năm 1838, triều đình đặc cử Nguyễn Công Trứ đang là

¹³ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 18, trang 57

¹⁴ Trượng 丈, thước (xích 尺), tấc hay thốn 寸 là đơn vị đo chiều dài cổ của Trung Quốc, Việt nam, theo hệ thống thập phân. Một trượng bằng 10 thước, một thước bằng 10 tấc... Theo Ths. Phan Thanh Hải trong bài "[Hệ thống thước đo thời Nguyễn](#)" thì có 3 loại thước chính: thước đo vải (từ 0,6 đến 0,65 mét), thước đo đất (luôn là 0,47 mét) và **thước mộc** (từ 0,28 đến 0,5 mét). Như vậy kích cỡ của thuyền tuần dương do kinh đô đóng, đo theo thước mộc chỉ dài chừng 12 đến 20 m, ngang từ 3 m đến hơn 5 m.

¹⁵ Thuyền vận tải của dân, được nhà nước định kỳ luân phiên trưng dụng để chuyên chở hóa vật cho nhà nước, kích thước thường không lớn.

¹⁶ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 20, trang 160-162.

Tổng đốc Hải An đem cả quân thủy bộ cùng cố sức tiêu trừ. Vua Minh Mạng cho rằng các nhóm cướp biển trong vịnh Bắc Kỳ đều có chỗ cư trú ở Quảng Yên, nhất là vùng các đảo nên ra lệnh cho Nguyễn Công Trứ đem binh thuyền đến hạt, ngày đêm tuần bắt và lưu ý “...phàm các thuyền của người Thanh làm nghề đánh cá, đuổi hết ra biển, nếu xét thấy trong thuyền có đạn đá, súng gươm và đồ dùng để ăn cướp, lập tức bắt để nghiêm trị, không cho bọn chúng nói thác là đánh cá...”

Nguyễn Công Trứ đã tra xét khắp vùng và đã gửi một cáo vãn về triều báo cáo tình hình và kiến nghị sách lược bình định vùng biển luôn sóng gió này. Từ nội dung cáo vãn đó của Nguyễn Công Trứ cùng với những diễn biến sau đó đã hình thành một sự kiện lịch sử khá tiêu biểu cho kế sách của Minh Mạng đối phó với bọn hải tặc người Thanh ở vùng biển này, tạm gọi đó là *sự kiện Chàng Sơn*¹⁷-Quảng Yên.

Theo cáo vãn của Nguyễn Công Trứ, hàng năm trên vùng biển Quảng Yên, từ tháng 8, 9 đến tháng 3, 4, thuyền người Thanh có 500, 600 chiếc tụ họp làm nghề đánh cá. Thuyền quan quân phái ra kiểm soát thì bọn người ấy chuyển đi xa. Chắc chắn bọn cướp biển người Thanh đã trà trộn trong số đó. Đặc biệt nghiêm trọng hơn là trên một đảo lớn tên là Chàng Sơn có diện tích khá rộng và địa thế quan trọng về mặt canh phòng của vùng biển này đã có mấy trăm nóc nhà người Thanh định cư bất hợp pháp ở đây từ trước tới nay. Họ đã khai khẩn và đang canh tác một diện tích trồng lúa chừng 500 mẫu. Hàng ngày nhiều ghe thuyền người Thanh ra vào đảo này. Chắc chắn, đây là nơi bọn cướp biển chọn làm sào huyệt, trở về trú ngụ, dưỡng sức sau những chuyến ăn hàng, cướp bóc trên biển.

Trong cáo vãn, Nguyễn Công Trứ cho biết: “...*Có người phường Khai Vĩ là Lương Bành Tổ báo phường của hắn có nhân khẩu hàng nghìn người, vốn là lương thiện, nếu được phép đánh cá ngoài biển, xin tự ra sức bắt giữ bọn ác...*” Nguyễn Công Trứ đã chính thức đề nghị trong cáo vãn: “...*Xét một dải Chàng Sơn, vòng quanh suốt vài dặm, có đất cấy trồng được, có suối nước uống được, có vụng đậu thuyền được. Người Thanh làm nhà trên núi, cày cấy lấy hoa lợi, phàm các thuyền bè đều đỗ ở đây. Nếu một phen bắt bớ đốt phá, chúng tất tan đi, khi quan quân đã về, thế ắt trở lại, nếu muốn vĩnh viễn cấm tuyệt, thật khó xếp đặt. Nghĩ nên theo lời mong muốn của Bành Tổ, cho tự trông coi, thì chúng*

¹⁷ Chàng Sơn là tên gọi xưa của quần đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh. Cô Tô ngày nay là một đơn vị hành chính cấp huyện (huyện đảo Cô Tô). Đây là một quần đảo có hơn 50 đảo lớn nhỏ, trong đó có hai đảo rất lớn là Cô Tô và Thanh Lân. Trước năm 1978, dân số ở đây có hơn 6740 người, trong đó người Hoa chiếm xấp xỉ 90%, kinh tế lúc này khá phồn thịnh. Sau vụ nạn kiều, người Hoa rút hết về nước, số dân còn lại chủ yếu là người Việt còn rất ít, kinh tế rơi vào tiêu điều. Chàng Sơn (hay Cô Tô ngày nay) có vị trí chiến lược rất quan trọng cả về quân sự và kinh tế đối với vùng biển Bắc bộ...

được lợi, tự nhiên cùng ngăn cấm nhau, tướng quan quân không đến tổn sức mà giữ yên được...”¹⁸

Lịch sử sẽ sáng suốt để phán xét kẻ sách theo đề nghị của Nguyễn Công Trứ là đúng hay sai. Nhưng vào thời điểm đó, theo lời bàn của đình thần và cũng ngầm theo ý riêng của Minh Mạng, kẻ sách của Nguyễn Công Trứ đã bị từ chối và Nguyễn Công Trứ bị vua khiển trách, phạt giáng 2 cấp, cách chức Tổng đốc Hải Yên. Nhưng do Lê Dục Thúy, người đến thay Công Trứ hèn nhát, sợ giặc, để bọn cướp biển tiếp tục đánh cướp, giết hại quan quân nên Nguyễn Công Trứ được vua cho tạm thời ở lại làm nhiệm vụ tiêu trừ cướp biển.

Chỉ thị của Minh Mạng và triều đình là phải xem xét thật kỹ vùng Chàng Sơn, tính việc mộ dân lập ấp, xây dựng các pháo đài để canh giữ vùng biển và quan trọng nhất là phải kiên quyết đánh đuổi, trục xuất hết bọn người Thanh định cư trái phép trên đảo, đồng thời nghiêm cấm cư dân người Việt ở địa phương giao thiệp, mua bán lương thực với bọn người này. Như vậy là triều đình Huế muốn đánh bật gốc sào huyệt Chàng Sơn của bọn cướp biển người Thanh bằng những biện pháp cứng rắn, mặc dù theo cáo văn của Nguyễn Công Trứ cho thấy không phải tất cả những thuyền đánh cá của người Thanh trong vịnh cũng như những thuyền ra vào đảo đều là cướp biển.

Tuân theo chỉ thị của triều đình, Nguyễn Công Trứ buộc phải đem binh thuyền tấn công và đổ bộ vào Chàng Sơn vào tháng 9 năm 1838. Theo ghi chép của Thực Lục thì quân triều đình đã chém một đầu giặc tại trận, “...*giặc bỏ thuyền lên bờ, quan quân đuổi theo, chém được nhiều tên, thu được cả thuyền mạnh, khí giới, xét thấy có hơn 50 nhà cửa đều có tang vật cướp được, khoảng núi ấy cấy lúa được hơn 500 mẫu, đốt phá hết...*”¹⁹ Sau đó Nguyễn Công Trứ và Lê Đức Hảo đi khảo sát địa hình, hoạch định hệ thống phòng thủ, dâng sớ về triều đình và được Minh Mệnh chuẩn cho thi hành.

Công việc trên đang trong quá trình tiến triển thì đến tháng 3 năm sau (1839), hộ thuyền đánh cá người Thanh ở vùng biển Vân Đồn là hai đoàn Khai Vĩ và Hà Cổ cử Thái Hợp Lợi đem tướng giặc bắt được là Lý Công Tổng và đồng bọn 16 tên, 50 tên giết cắt lấy tai cùng thuyền mạnh, khí giới giao nộp cho quân triều đình, đồng thời trình bày nguyện vọng chúng muốn được làm dân, cùng sống như người Minh Hương. Nguyễn Công Trứ báo về, Viện Cơ mật bàn luận rồi dâng sớ lên vua, đề nghị:

- Xếp đặt chỗ ở cho người Thanh hai đoàn thuyền nhưng “...*quan Tổng đốc đến ngay vùng ven biển Quảng Yên, xem chỗ bỏ không, đã không hiểm yếu lại có thể dựa được, lại có dân hạt ấy liền kề, có thể ràng giữ được..., lập thôn*

¹⁸ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 20, trang 157, 158.

¹⁹ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 20, trang 220.

*ấp, đặt đầu mục cai quản. Không nên giao cho một dải Chàng Sơn tụ họp cùng ở, nuôi thành cái thế dựa vào chỗ hiểm sau này...”*²⁰

- Xếp định thuế lệ các loại bằng mức của người Thanh ở các hạt.

- Định thuế thuyền đánh cá theo từng loại thuyền và bắt buộc “...ở đầu thuyền, hai bên má, phải sơn màu xanh và cấp thẻ bài của tỉnh cho phép ra biển đánh cá...”

- Vua y lời bàn, ra lệnh cho Nguyễn Công Trứ thi hành.²¹

Thực hiện theo các chỉ dụ trước kia và gần đây của vua, Nguyễn Công Trứ vừa tiếp tục tiêu trừ cướp biển, vừa chiêu dụ dân địa phương người Việt ra Chàng Sơn lập nghiệp, được 180 người, lập thành làng Hường Hóa, đặt Lý trưởng, Giáp trưởng cai quản, lệ thuộc vào châu Vân Đồn, ghi sổ chịu thuế. Đồng thời Trứ cũng bắt đầu mục hai bang Khai Vĩ và Hà Cỗ khai số người, số thuyền, theo đó định thuế, xếp đặt chỗ ở. Những người Thanh trên thuyền đều kêu: “...sống quen ở mặt nước, nếu lên trên cạn cả, có trở ngại việc làm ăn. Xin cho chọn mỗi bang một vài người đến ở, còn thì cứ tháng 4 cho thuyền về, tháng 9 lại đến...” Trứ đồng ý, lo xếp đặt bang trưởng, bang mục ra lệnh sơn má đầu thuyền và cấp thẻ bài (bằng gỗ, vuông một thước, sơn sắc trắng, một mặt khắc chữ to *Ngư hộ thuế thuyền* (魚戶稅船), một mặt dán giấy viết rõ thẻ bài cấp ngày tháng năm nào, họ tên ngư hộ và có dấu quan phòng) cắm ở cuối thuyền làm dấu. Nhưng đến tháng 12 năm ấy, vua có chỉ dụ bỏ hình thức thẻ bài, chỉ khắc 4 chữ “Quảng Yên Thuế Thuyền” (廣安稅船) và tên họ chủ thuyền ở đầu mỗi chiếc thuyền.²²

Khi Công Trứ báo cáo báo cáo tình hình định cư người Thanh ở vùng biển Quảng Yên, thấy có khác với chỉ dụ (do theo lời xin của dân, chỉ mới bắt lên bờ định cư một vài người), Minh Mạng đã không vừa ý nên đã sai Vũ Trọng Đại và Nguyễn Đồng Khoa đến xét hỏi tình hình định cư hai bang chài người Thanh là Khai Vĩ và Hà Cỗ. Qua xét hỏi cho thấy “...từ khi quan quân rút về, bang Hà Cỗ quay buồm về trước, bang Khai Vĩ sau cũng đưa thuyền về hướng Đông...” nhưng mọi người đều báo rằng đã lâu không thấy thuyền giặc cướp xuất hiện như trước.²³ Tình hình này khiến Minh mạng bức tức, vừa triệu Nguyễn Công Trứ về kinh, giáng cấp xuống làm Thị Lang bộ Binh vừa sai phái biên binh Hải Dương đến buộc đầu mục hai bang Khai Vĩ và Hà Cỗ phải đưa tất cả người lên cạn định cư. Tất cả người Thanh trong hai bang đều “*kiếm cách đùn đẩy và xin khoan rộng cho kỳ sau*”. Minh Mạng tuy không vui nhưng cũng phải truyền chỉ,

²⁰ Qua đây thấy rõ lập trường của Minh Mạng và triều đình vẫn kiên quyết không cho dân thuyền người Thanh định cư trên Chàng Sơn, e ngại nơi đây lại trở thành sào huyệt của hải tặc.

²¹ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 21, trang 59, 60.

²² Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 21, trang 77, 281

²³ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 21, trang 140.

vừa miễn cưỡng chấp thuận vừa đe dọa “...tạm gia hạn cho 3 tháng để chúng bảo nhau theo nghị mà làm. Nếu như cố ý chậm trễ thì tội cũng như kẻ cướp, nên phải đại đội binh thuyền đến đánh giết hết đi, không cho chúng nhờn nhơ ngoài biển nữa...”²⁴

Khi quan quân kéo nhau ra thuyền đạt chỉ ý của nhà vua thì cả hai đoàn thuyền đã kéo nhau đi hết. Vua ra lệnh tiếp tục canh phòng vùng biển. Sau đó mấy tháng, đến tháng 8 cùng năm (1840), có hơn 10 thuyền đánh cá của phường Khai Vĩ về đỗ ở vùng này. Vua ra lệnh tiếp tục dò xét, canh phòng và tăng cường quân lính tuần tra vùng biển.

Cuối năm đó vua Minh mạng qua đời nhưng công việc phòng thủ và ổn định tình hình ở Chàng Sơn vẫn tiếp tục tiến triển. Từ đó thuyền đánh cá người Thanh về đăng ký hộ thuyền với chính quyền sở hạt ngày càng nhiều, tạo được những chuyển biến quan trọng trong việc tiêu trừ cướp biển dưới thời Thiệu Trị.

Ngôi trên ngai vàng chỉ mấy năm nhưng Thiệu Trị phải luôn vất vả với nhiều lo toan, trong đó nổi lên là chiến tranh ở Trấn Tây và công cuộc tiêu trừ cướp biển. Khác với những diễn biến phức tạp trên bộ ở Trấn Tây, nhìn chung quan quân Thiệu Trị đã đạt được những thắng lợi đáng kể trong việc đánh dẹp cướp biển người Thanh.

Dưới thời Thiệu Trị hải tặc Trung Hoa cũng chỉ hoạt động trên vùng biển từ Nam-Ngãi trở ra, vùng biển phía Nam tương đối yên lặng. Tuy nhiên, bọn chúng có những hoạt động khá táo tợn như dám tấn công thuyền công của triều đình, sát hại và bắt giữ hàng trăm quân lính. Điển hình là vụ tấn công thuyền công, mổ bụng Vệ úy Lê Công Bảo lấy lá gan nhắm rượu của bọn Mạc Mậu Sơn và vụ cướp biển Lâm Chương bao vây thuyền Thạch Dương của triều đình, giết chết hơn 300 người, bắt đi hơn 50 người. Cả hai vụ việc này đều xảy ra năm 1842 và cả hai nhóm hải tặc người Thanh hung ác đó, sau đều bị quân triều đình đánh bại và tiêu diệt.

Quan quân triều đình tiếp tục thu nhiều thắng lợi trên vùng biển Quảng Yên, trong đó có phần đóng góp quan trọng của quân dân ở Chàng Sơn được thiết lập dưới thời Minh Mạng. Trong đó phải kể đến công lao đánh dẹp cướp biển của Bang trưởng dân thuyền người Thanh, đoàn Hà Cổ là Lư Cấp Hỉ với nhiều lần lập công lớn:

- Tháng 11 năm 1844, Chàng Sơn có cướp biển, Lư Cấp Hỉ hội thuyền vây bắt, chém được 2 đầu giặc, số còn lại chạy lên bờ bị quan quân tiêu diệt.
- Tháng 5 năm 1846, bắt sống được cướp biển Quách Hữu Bức và đồng bọn 5 người, số đông còn lại nhảy xuống biển chết.

²⁴ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục. Tài liệu đã dẫn, tập 22, trang 69,70

- Tháng 2 năm 1847, vây bắt sống được bọn cướp biển và nhiều thuyền bè, khí giới.

Vua Thiệu Trị đã nhiều lần ban thưởng cho Cấp Hi.

Những thắng lợi lớn của Thiệu Trị đã đem lại cho hải phận Việt Nam gần 10 năm bình lặng, yên ổn trong thời Tự Đức. Tuy nhiên từ năm 1850 trở đi, tình hình diễn biến nhiều phức tạp. Bọn hải tặc người Thanh hoạt động trên tất cả các vùng biển, cả trong Nam, ngoài Bắc. Chúng ra mặt coi thường các thuyền tuần dương của triều đình, lộng hành cướp bóc cả trên bờ, dưới biển.

Trước hiểm họa xâm lược của thực dân Pháp gần kề, lại phải lo đối phó với bọn Thanh phi xâm nhập vùng thượng du Bắc kỳ, quan quân thời Tự Đức biểu lộ sự bối rối cao độ trong việc đối phó với bọn cướp biển. Triều đình đã giao cho các địa phương tự đối phó với cướp biển. Bản thân Tự Đức và đình thần gần như không đề ra được một kế sách nào để chủ động chống lại bọn cướp ngoài việc trừng phạt, khi thì cách chức, khi thì giáng cấp các quan lại địa phương đã thất bại khi đương đầu với bọn cướp. Tình hình các địa phương càng thêm rối rắm. Các tàu thuyền tuần dương nặng nề, cổ lỗ; vũ khí trang bị thô sơ, lạc hậu; tinh thần binh lính rã rời, bi quan; quan lại đùn đẩy né tránh... Tất cả chỉ giúp cho bọn hải tặc thêm điều kiện phô trương thanh thế và ngang nhiên cướp bóc.

Một trong những sự kiện khá tiêu biểu cho sự bất lực của thủy binh triều Nguyễn là trận cướp biển Tàu Ô tấn công thuyền công vận tải của triều đình ngay trước mắt Tự Đức và triều thần, diễn ra ngày 12 tháng 4 năm Quý Dậu (1873), trên cửa biển Thuận An gần kinh thành Huế, trong lần Tự Đức và các quan ngự giá hộ thuyền ra chơi ở đây. Trong lúc vua tôi đang hứng thú cảnh trời mây biển sóng để xướng họa thơ văn thì ngoài khơi có 9 chiếc thuyền buồm đi vào. Đó là những chiếc thuyền vận tải của Nha Kinh lược Bắc kỳ chở tiền tài, hóa vật và quân lính đổi phiên vào Huế. Vua tôi Tự Đức nhìn những chiếc thuyền lớn ấy với lòng tự hào nhưng ngay lúc đó, từ ngoài khơi có 2 chiếc thuyền lớn sơn đen phăm phăm chạy vào. Đó là thuyền của bọn cướp biển Tàu Ô. Bọn chúng chia súng nhắm vào thuyền vận tải của triều đình nả đạn. Người trong chín chiếc thuyền này lo sợ nháo nhào, không dám chống lại, giương buồm chạy trốn. Có hai chiếc chạy không kịp, bị lũ cướp nhảy sang chém giết quân lính và cướp thuyền kéo đi. Tự Đức ra lệnh cho các thuyền hộ vệ nổ súng thần cơ nhưng chẳng phát nào trúng được thuyền giặc cướp. Lũ giặc cho đảo thuyền lượn mấy vòng như chế nhạo rồi dong thuyền ra biển kéo theo 2 chiếc thuyền công của triều đình trước mắt hoàng đế và quan quân.²⁵

Sự bất lực của quan quân do nhiều nguyên nhân, trước hết là sự lạc hậu của thuyền bè và vũ khí trang bị cho các thuyền tuần biển. Trước đây, thời Minh

²⁵ Phan TRần Chúc, Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức. NXB. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000, trang 60, 61

Mạng, triều đình đã giao cho bộ Binh và bộ Công cải tiến và đóng mới các loại tàu thuyền và tính toán lại các loại súng ống, trang bị trên tàu nhưng công việc này không đạt được kết quả quan trọng vì chính sách không giao thiệp với phương Tây nên không có cơ hội hiện đại hóa lực lượng tuần duyên. Trong khi đó, bọn hải tặc thì ngược lại, chúng đã tận dụng mọi cơ hội để có trang bị vũ khí vượt hẳn quân triều đình.

Sau này, theo đề nghị của Nguyễn Tri Phương, Tự Đức đã chú ý mua lại với giá cao những khẩu đại bác có nòng lớn hiện đại hơn từ những thuyền buôn Trung Hoa nhưng số lượng theo ghi chép của bộ Thực Lục thì không nhiều. Tự Đức cũng đã cho xuất kho tiền, cử người sang Hương Cảng mua sắm tàu máy hơi nước có trang bị hiện đại, thuê hẳn tàu công và thợ máy người Anh, người Hoa, nhưng kết quả cũng như trên, chỉ được mấy chiếc, sau lại thường xuyên hư hỏng, không phát huy được mấy tác dụng. Sau hòa ước Giáp Tuất (1874), quân Pháp có tặng cho triều đình Huế 5 chiếc tàu máy hơi nước, triều đình đã đặt tên là các thuyền Lợi tế, Lợi Đạt, Lợi Tải, Lợi Dụng, Lợi Phiêm, lại được vua Tự Đức ngự chế tặng cho một bài ký tên là “Ngũ Lợi Thuyền”. Nhưng những tàu thuyền này chỉ có ý nghĩa về mặt ngoại giao hơn quân sự.²⁶

Trong công cuộc tiêu trừ hải tặc Trung Hoa, quá túng cùng, triều đình Tự Đức đã phải nhờ cậy vào các thuyền buôn Trung Hoa và lực lượng hải quân Pháp. Các thuyền buôn Trung Hoa nhờ đi lại khắp nơi, có nhiều giao dịch, thu nhập dồi dào nên họ đã kịp thời tự trang bị các loại vũ khí có hỏa lực mạnh, nhất là những khẩu đại bác nòng lớn và các loại súng trường Thái Tây hiện đại nhất của thời bấy giờ. Để đổi lấy những ưu đãi thương mại của triều đình Việt Nam, nhiều thuyền buôn Trung Hoa đã giúp việc săn lùng và đánh dẹp các nhóm nhỏ cướp biển hoặc cung cấp các vũ khí tốt cho quan quân triều đình. Họ đã lập được một số công trận lớn nhỏ ở vùng biển Quảng Yên và hải phận nam Trung kỳ. Nhưng họ chỉ hợp tác trong thời gian ngắn, gắn với chuyến giao thương và có những yêu sách làm phiền lòng vua Tự Đức nên kết quả của phương thức này không giúp cải thiện được mấy tình hình.

Việc nhờ cậy hải quân Pháp đánh dẹp bọn cướp biển Trung Hoa diễn ra sau khi Pháp đã chiếm đóng 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ. Trong quá trình đàm phán để chuộc đất, Tự Đức đã có ý định đó và nội dung này chính thức được ghi ở điều 2 của hòa ước Giáp Tuất. Sau đó, vào tháng 3 năm 1875, để hối thúc Pháp thực hiện, vua Tự Đức đã sai “...quan Thương bạc làm thơ đưa cho Pháp soái nói 3 việc: nhờ Đại Pháp đánh đuổi giặc biển...”²⁷ Thật ra ý định này của Huế đã có từ rất sớm. Trong báo cáo của Thống đốc Nam kỳ (Phó Đô đốc Roze) về tình hình Nam kỳ, An nam và Campuchia, đề ngày 29 tháng 3 năm 1865 có

²⁶ Quốc Sử quán triều Nguyễn, Quốc triều chính biên toát yếu. NXB. Thuận Hóa, trang 520.

²⁷ Quốc Sử quán triều Nguyễn, Quốc triều chính biên toát yếu. NXB. Thuận Hóa, trang 513

đoạn viết: "...Chính quyền ở Huế cho chúng tôi biết là vùng duyên hải của họ đầy đầy bọn hải tặc. Họ không có cách nào đuổi chúng và họ yêu cầu tôi vui lòng gửi hai chiếc tàu trong vòng hai tháng ra Đà Nẵng và cả vùng biển ngoài khơi đảo Hải Nam để giúp họ thoát khỏi tai họa ấy. Vị Thượng thư còn nói thêm là họ sẽ trả chi phí..."²⁸

Tóm lại, để đối phó với nạn hải tặc Trung Hoa, triều Nguyễn đã tiến hành nhiều kế sách quan trọng. Những kế sách này càng về sau càng tỏ ra bị động, kém hiệu quả. Triều Nguyễn đã bộc lộ sự bất lực, túng cùng khi nhờ cậy hải quân Pháp đánh dẹp bọn hải tặc.

Hải tặc Trung Hoa là kẻ thủ ác chính của hàng trăm, hàng ngàn vụ cướp bóc và tàn sát đẫm máu trên biển Đông trong suốt gần một thế kỷ dưới thời vương triều Nguyễn. Sự đối phó của các vua triều Nguyễn có lúc đạt được kết quả, có lúc thất bại thảm hại và đi đến một kết cục buồn là trong sự bảo hộ của người Pháp, nhờ hải quân Pháp đánh dẹp thay. Sự thất bại đó là tất yếu của một đường lối đối nội và đối ngoại sai lầm, thủ cựu của triều Nguyễn.

Một đất nước như Việt Nam có vùng thềm lục địa rộng lớn với hàng ngàn các đảo lớn nhỏ và đường bờ biển dài hơn 3.000 cây số, nếu để xảy ra tình trạng an ninh biển đảo bị đe dọa thì chính quyền đương thời ấy có tội với dân tộc. Tội lỗi đó của triều Nguyễn không thể để tái diễn dù với bất cứ hình thức nào./.

Huỳnh Ngọc Đáng
Đầu tháng 7 năm 2014

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phan Trần Chúc, Bùi Viện với cuộc duy tân của triều Tự Đức. NXB. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000
2. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Đại Nam Thực Lục. NXB. KHXH. Hà Nội
3. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Khâm định Việt sử thông giám Cương mục. NXB. Giáo dục 1998
4. Quốc Sử quán triều Nguyễn, Quốc triều chinh biên toát yếu. NXB. Thuận Hóa
5. Robert J. Antony, *Like Froth Floating on the Sea-The World of Pirate and Seafarers in Late Imperial South China*. Institute of Asian studies University of California. Berkeley, Center for Chinese Studies, 2003
6. Yoshiharu Tshuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa. NXB. Trẻ TP. HCM, 1999

²⁸ Yoshiharu Tshuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa. NXB. Trẻ Tp HCM.1999, trang 69.